

Bản án số: 12/2024/HNGĐ-PT

Ngày: 06 - 05 - 2024

V/v chia tài sản chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thuận.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Hằng;

Bà Nguyễn Thị My My.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Văn Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk: Bà Lương Thị Diệu Anh - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 06 tháng 05 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2024/TLPT-HNGĐ, về việc “*Chia tài sản chung sau khi ly hôn*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 204/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXX-PT, ngày 19 tháng 04 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị H, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Đông Z, sinh năm 1946; Địa chỉ: Số E Má H, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh H1, sinh năm 1974; Địa chỉ: Số A, tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. Ông Nguyễn Văn H2, sinh năm 1990; Địa chỉ: E Má H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Ông Nguyễn Hữu C; Địa chỉ: E Má H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

4. Bà Nguyễn Thị Thanh H3, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số A, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

5. Bà Nguyễn Thị Thanh H4, sinh năm 1982; Địa chỉ: Số nhà A, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

6. Bà Nguyễn Thị Thanh T; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. (Vắng mặt).

7. Bà Nguyễn Thị Thanh N; Địa chỉ: Tổ dân phố B, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông (Vắng mặt).

8. Bà Nguyễn Thị Thanh H5; Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Vắng mặt).

Bà T, bà N, bà H5 ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thanh H4 tham gia tố tụng theo Giấy ủy quyền chứng thực ngày 30/7/2018 và ngày 02/8/2018.

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Bùi Thị H và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H4.

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Tại đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Bùi Thị H trình bày:**

Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z là vợ chồng và có 08 người con chung Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Thanh H3, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thanh H5, do cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly hôn theo bản án số 04/2014/HNGĐ-ST ngày 08/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B, về tài sản chung chưa chia, nay do không thống nhất được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa bà H và ông Y, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 56, diện tích 559,4m², tọa lạc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, bà H xin nhận tài sản này.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích 508,9m², tọa lạc tại E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, giao tài sản này cho ông Y.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, diện tích 804,2m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, giao tài sản này cho ông Y.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất nông nghiệp gồm thửa 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 3580m²; thửa 147, tờ bản đồ 02, diện tích 1980m² và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 02, diện tích 6450m², tọa lạc tại xã H, thành

phố B là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, giao tài sản này cho ông Y.

Trường hợp ai nhận tài sản có giá trị cao hơn thì bù chênh lệch cho người còn lại, ngoài những tài sản bà H yêu cầu chia trên thì bà H không yêu cầu chia thêm bất kỳ tài sản nào khác.

*** Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Đông Z trình bày:**

Ông Nguyễn Đông Z và bà Bùi Thị H là vợ chồng và có 08 người con chung như bà H đã trình bày, do cuộc sống không hạnh phúc nên đã ly hôn theo bản án số 04/2014/HNGĐ-ST, ngày 08/01/2014 của Tòa án nhân dân thành phố B, về tài sản chung chưa chia, nay do không thống nhất được nên bà H đề nghị Tòa án giải quyết chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân thì ông Y có quan điểm như sau:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 56, diện tích 559,4m², tọa lạc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, giao tài sản này cho bà H.

Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích 508,9m², tọa lạc tại số E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, ông Y xin nhận tài sản này. Đối với tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất là tài sản riêng của ông Y xây dựng năm 2015 nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, diện tích 804,2m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, ông Y xin nhận tài sản này.

Quyền sử dụng đất đối với các thửa đất nông nghiệp gồm thửa 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 3580m²; thửa 147, tờ bản đồ 02, diện tích 1980m² và thửa đất 153, tờ bản đồ số 02, diện tích 6450m², là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, ông Y xin nhận tài sản này. Đối với tài sản gắn liền với các quyền sử dụng đất này là tài sản riêng của ông Y tạo dựng nên sau khi ly hôn với bà H nên không đồng ý chia theo yêu cầu của bà H. Ngoài ra không có ý kiến yêu cầu nào khác.

*** Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Thanh H3, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thanh H5 trình bày:**

Nguyễn Thị Thanh H1, Nguyễn Hữu C, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Thị Thanh H4, Nguyễn Thị Thanh N, Nguyễn Thị Thanh H3, Nguyễn Văn H2, Nguyễn Thị Thanh H5 là con bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z, nay bà H và ông Y tranh

chấp chia tài sản chung sau ly hôn thì những người con đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo pháp luật và xác định không có công sức đóng góp và tranh chấp gì đối với tài sản mà bà H và ông Y tranh chấp chia yêu cầu chia.

Tại Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số: 204/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B quyết định:

- Căn cứ Điều 4, Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 218, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 43, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị H về việc chia tài sản sau ly hôn.

Tổng giá trị tài sản chung của bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z là 10.468.640.230 đồng, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tương đương 10.468.640.230 đồng/02 = 5.234.320.160 đồng.

Giao cho bà Bùi Thị H được quyền quản lý, sở hữu các tài sản sau:

+ Thửa đất số 72, tờ bản đồ số 56, diện tích đất 559,4m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 404432 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 08/8/2005 mang tên hộ Nguyễn Đông Z và Bùi Thị H và tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích 198,4m², 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích 35m², tường rào gắn lưới B4 chiều dài 93m, sân xi măng diện tích 344,6m², 05 cây bơ, 02 cây chôm chôm, 10 cây mai, 02 cây xoài, 02 cây sầu riêng, 01 cây mít, 02 cây sanh, 01 chậu hoa giấy, 01 cây hoa sứ, 02 cây me, 01 cây khế. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 5.462.537.080 đồng, tọa lạc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số tài sản bà Bùi Thị H được chia trị giá thành tiền là 5.234.320.160 đồng và tổng số tài sản bà Bùi Thị H được giao quản lý, sở hữu có trị giá thành tiền là 5.462.537.080 đồng.

Giao cho ông Nguyễn Đông Z được quyền quản lý, sở hữu các tài sản sau:

+ Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích đất 508,9m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 738918 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/11/2012 mang tên ông Nguyễn Đông Z và bà Bùi Thị H. Trị giá đất là 2.000.000.000 đồng, tọa lạc tại số E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, diện tích đất 804,2m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 36m², công tường rào dài 27,1m, sân si măng diện tích 123,2m², 01 giếng nước, 04 cây bơ, 05 cây, 01 cây xoài, 01 cây mai, 01 cây măng cầu, có tổng trị giá tài sản gắn liền với đất là 110.051.640 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 2.110.051.640 đồng, tọa lạc tại: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.+ Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 3580m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468543 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z, trị giá đất 185.171.700 đồng, tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 1980m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468544 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z, trị giá đất là 126.030.600 đồng, tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 6450m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468050 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z, trị giá đất là 584.849.300 đồng, tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số tài sản ông Nguyễn Đông Z được chia trị giá thành tiền là 5.234.320.160 đồng và tổng số tài sản ông Nguyễn Đông Z được giao quản lý, sở hữu có trị giá thành tiền là 5.006.103.240 đồng.

Về bù trừ chênh lệnh tài sản: Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Đông Z số tiền chênh lệnh tài sản là 228.216.920 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông Nguyễn Đông Z phải có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 404432, do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 08/8/2005 mang tên hộ Nguyễn Đông Z và Bùi Thị H, cho bà Bùi Thị H.

Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đượ c cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản được chia và thực hiện nghĩa vụ tài chính nếu có khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau ly hôn của bà Bùi Thị H về việc:

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng ½ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích đất 508,9m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 738918

do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/11/2012 mang tên ông Nguyễn Đông Z và bà Bùi Thị H.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $446.776.597 \text{ đồng}/2 = 223.388.298 \text{ đồng}$, tọa lạc tại số nhà E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 3580m^2 , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468543 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $454.828.300 \text{ đồng}/2 = 227.414.150 \text{ đồng}$, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 1980m^2 , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468544 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $273.969.400 \text{ đồng}/2 = 136.984.700 \text{ đồng}$, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 6450m^2 , theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468050 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $715.150.700 \text{ đồng}/2 = 357.575.350 \text{ đồng}$, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Đối với tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây cấp 4, diện tích $107,5\text{m}^2$, trị giá $258.032.250 \text{ đồng}$ trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 738918 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/11/2012 mang tên ông Nguyễn Đông Z và bà Bùi Thị H. Các đương sự đều thừa nhận là tài sản của bà H1 xây dựng để ở nhờ trên đất của bà H, ông Y. Tuy nhiên, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, mà xác định sẽ tự thỏa thuận thương lượng với nhau, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành một vụ án khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

Đình chỉ giải quyết, xét xử: Đối với yêu cầu của bà Bùi Thị H về việc yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 81, thửa đất số 145, thửa đất số 77, thửa đất số 45, thửa đất số 69, thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z mỗi người phải chịu $\frac{1}{2}$ số tiền xem xét thẩm định, định giá tài sản là $3.000.000 \text{ đồng}$, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản mà ông Nguyễn Đông Z đã nộp $1.500.000 \text{ đồng}$, bà Bùi Thị H đã nộp $4.500.000 \text{ đồng}$. Trả lại cho bà Bùi Thị H

1.500.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định, định giá tài sản khi nào thu được từ ông Nguyễn Đông Z.

Về án phí: Miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z.

Trả lại cho bà Bùi Thị H 5.625.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0003793 ngày 16 tháng 5 năm 2018 và 1.250.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0008138 ngày 24 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo, quyền thi hành án theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/01/2024, nguyên đơn bà Bùi Thị H kháng cáo; ngày 19/01/2024, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H4 kháng cáo, với nội dung:

- Thứ nhất: Sau ly hôn, ông Y nắm giữ và quản lý tài sản nên bà H không thể hoàn trả cho ông Y 200.000.000 đồng.

- Thứ hai: Giao cho bà H nhận phần tài sản mà cấp sơ thẩm đã giao cho ông Y và ngược lại ông Y nhận phần tài sản mà cấp sơ thẩm đã giao cho bà H và ông Y phải trả cho bà H 200.000.000 đồng.

- Thứ ba: Giao cho bà H phần tài sản như cấp sơ thẩm đã giao cho bà H nhưng bà H không phải trả cho ông Y 200.000.000 đồng.

*** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:**

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, đại diện Viện kiểm sát cho rằng: Kháng cáo của bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh H4 là không có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của bà Bùi Thị H và bà Nguyễn Thị Thanh H4, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 204/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng

cứ, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan làm trong hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của nguyên đơn bà bà Bùi Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thấy rằng:

Tại đơn khởi kiện và trong suốt quá trình tham gia tố tụng bà H yêu cầu được phân chia tài sản chung với ông Y, cụ thể:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 56, diện tích 559,4m², tọa lạc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, bà H xin nhận tài sản này.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích 508,9m², tọa lạc tại E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, giao tài sản này cho ông Y.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, diện tích 804,2m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tọa lạc tại tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, giao tài sản này cho ông Y.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với các thửa đất nông nghiệp gồm thửa 148, tờ bản đồ số 02, diện tích 3580m²; thửa 147, tờ bản đồ 02, diện tích 1980m² và thửa đất số 153, tờ bản đồ số 02, diện tích 6450m², tọa lạc tại xã H, thành phố B là tài sản chung của vợ chồng chia cho mỗi người hưởng ½ giá trị tài sản, giao tài sản này cho ông Y.

Trường hợp ai nhận tài sản có giá trị cao hơn thì bù chênh lệch cho người còn lại, ngoài những tài sản bà H yêu cầu chia trên thì bà H không yêu cầu chia thêm bất kỳ tài sản nào khác.

Tại bản án sơ thẩm số 204/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk tuyên xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà H và chia cho bà H quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 72, tờ bản đồ số 56, diện tích 559,4m², tọa lạc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Bà H có nghĩa vụ thanh toán cho ông Nguyễn Đông Z số tiền chênh lệch tài sản 228.216.920 đồng là phù hợp theo nguyện vọng của bà H ông Y và đúng theo quy định pháp luật. Do đó, việc bà H, bà H4 kháng cáo yêu cầu xem xét giao cho ông Y phần tài sản mà bà H được nhận, giao cho bà H phần tài sản mà ông Y được nhận với giá trị ngang nhau mà bà H không phải bồi hoàn số tiền

chênh lệch 200.000.000 đồng là không có cơ sở chấp nhận.

Từ những phân tích, nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy, cần giữ nguyên bản án bản án sơ thẩm số 204/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Bùi Thị H, bà Nguyễn Thị Thanh H4 phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định. Bà Bùi Thị H là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, được miễn toàn bộ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự

Căn cứ Điều 4, Điều 5, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 70, Điều 91, Điều 92, Điều 93, Điều 144, Điều 147, Điều 156, Điều 157, Điều 158, Điều 163, Điều 164, Điều 165, Điều 166, Điều 217, Điều 218, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 244 và Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 33, Điều 38, Điều 43, Điều 62 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về việc mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Bùi Thị H, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H4. Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 204/2023/HNGĐ-ST, ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng giá trị tài sản chung của bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z là 10.468.640.230 đồng, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ giá trị tương đương 10.468.640.230 đồng/02 = 5.234.320.160 đồng.

[1] Chia cho bà Bùi Thị H được quyền quản lý, sở hữu các tài sản sau:

+ Thừa đất số 72, tờ bản đồ số 56, diện tích đất 559,4m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 404432 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 08/8/2005 mang tên hộ Nguyễn Đông Z và Bùi Thị H và tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích 198,4m², 01 căn nhà cấp 4, 01 tầng, diện tích 35m², tường rào gắn lưới B4 chiều dài 93m, sân xi măng diện tích 344,6m², 05 cây bơ, 02 cây chôm chôm, 10 cây mai, 02 cây xoài, 02 cây sầu riêng, 01 cây mít, 02 cây sanh, 01 chậu hoa giấy, 01 cây hoa sứ, 02 cây me, 01 cây khế. Tổng giá trị đất và tài

sản gắn liền với đất là 5.462.537.080 đồng, tọa lạc tại tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số tài sản bà Bùi Thị H được chia trị giá thành tiền là 5.234.320.160 đồng và tổng số tài sản bà Bùi Thị H được chia quản lý, sở hữu có trị giá thành tiền là 5.462.537.080 đồng.

[2] Chia cho ông Nguyễn Đông Z được quyền quản lý, sở hữu các tài sản sau:

+ Thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích đất 508,9m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 738918 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/11/2012 mang tên ông Nguyễn Đông Z và bà Bùi Thị H. Trị giá đất là 2.000.000.000 đồng, tọa lạc tại số E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, diện tích đất 804,2m², đất chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, về tài sản gắn liền với đất gồm 01 căn nhà xây cấp 4, diện tích 36m², cổng tường rào dài 27,1m, sân si măng diện tích 123,2m², 01 giếng nước, 04 cây bơ, 05 cây, 01 cây xoài, 01 cây mai, 01 cây măng cầu, có tổng trị giá tài sản gắn liền với đất là 110.051.640 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản gắn liền với đất là 2.110.051.640 đồng, tọa lạc tại: Tổ dân phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 3580m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468543 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z, trị giá đất 185.171.700 đồng, tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 1980m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468544 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z, trị giá đất là 126.030.600 đồng, tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Thửa đất số 153, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 6450m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468050 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z, trị giá đất là 584.849.300 đồng, tọa lạc tại: xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Tổng số tài sản ông Nguyễn Đông Z được chia trị giá thành tiền là 5.234.320.160 đồng và tổng số tài sản ông Nguyễn Đông Z được chia quản lý, sở hữu có trị giá thành tiền là 5.006.103.240 đồng.

[3] Về bù trừ chênh lệch tài sản: Buộc bà Bùi Thị H có trách nhiệm thanh toán cho ông Nguyễn Đông Z số tiền chênh lệch tài sản là 228.216.920 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Buộc ông Nguyễn Đông Z phải có trách nhiệm giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AC 404432 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 08/8/2005 mang tên hộ Nguyễn Đông Z và Bùi Thị H, cho bà Bùi Thị H.

Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z có quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để được cấp, cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với tài sản được chia và thực hiện nghĩa vụ tài chính nếu có khi làm thủ tục theo quy định của pháp luật.

[4] Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện chia tài sản sau ly hôn của bà Bùi Thị H về việc:

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 23, tờ bản đồ số 62, diện tích đất 508,9m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 738918 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/11/2012 mang tên ông Nguyễn Đông Z và bà Bùi Thị H.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $446.776.597 \text{ đồng} / 2 = 223.388.298 \text{ đồng}$, tọa lạc tại số nhà E đường M, tổ dân phố D, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 148, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 3580m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468543 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $454.828.300 \text{ đồng} / 2 = 227.414.150 \text{ đồng}$, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 147, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 1980m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468544 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $273.969.400 \text{ đồng} / 2 = 136.984.700 \text{ đồng}$, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Yêu cầu chia cho bà Bùi Thị H được hưởng $\frac{1}{2}$ trị giá toàn bộ tài sản gắn liền với thửa đất số 153, tờ bản đồ số 2, diện tích đất 6450m², theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số D 0468050 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 28/11/1995 mang tên hộ Nguyễn Đông Z.

Trị giá tài sản gắn liền với đất là $715.150.700 \text{ đồng} / 2 = 357.575.350 \text{ đồng}$, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[5] Đối với tài sản gắn liền với đất là căn nhà xây cấp 4, diện tích 107,5m², trị giá 258.032.250 đồng trên thửa đất số 06, tờ bản đồ số 61, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 738918 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 21/11/2012 mang tên ông Nguyễn Đông

Z và bà Bùi Thị H. Các đương sự đều thừa nhận là tài sản của bà H1 xây dựng để ở nhờ trên đất của bà H, ông Y. Tuy nhiên, các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết, mà xác định sẽ tự thỏa thuận thương lượng với nhau, nếu sau này có tranh chấp thì sẽ khởi kiện thành một vụ án khác. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết là phù hợp với quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự.

[6] Đình chỉ giải quyết, xét xử: Đối với yêu cầu của bà Bùi Thị H về việc yêu cầu chia tài sản là thửa đất số 81, thửa đất số 145, thửa đất số 77, thửa đất số 45, thửa đất số 69, thuộc tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

[7] Về chi phí tố tụng: Bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z mỗi người phải chịu ½ số tiền xem xét thẩm định, định giá tài sản là 3.000.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định, định giá tài sản mà ông Nguyễn Đông Z đã nộp 1.500.000 đồng, bà Bùi Thị H đã nộp 4.500.000 đồng. Trả lại cho bà Bùi Thị H 1.500.000 đồng tiền tạm ứng xem xét thẩm định, định giá tài sản khi nào thu được từ ông Nguyễn Đông Z.

[8] Về án phí:

[8.1] Về án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Bùi Thị H và ông Nguyễn Đông Z.

[8.2] Về án phí phúc thẩm:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm cho bà Bùi Thị H.

- Bà Nguyễn Thị Thanh H4 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số AA/2023/0005206, ngày 22/01/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết thời hiệu kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND thành phố B;
- Chi cục THADS thành phố B;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Duy Thuấn